

**KỶ NIỆM
117 NĂM
NGÀY SINH
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH**
15-6-1882 o 15-6-1999



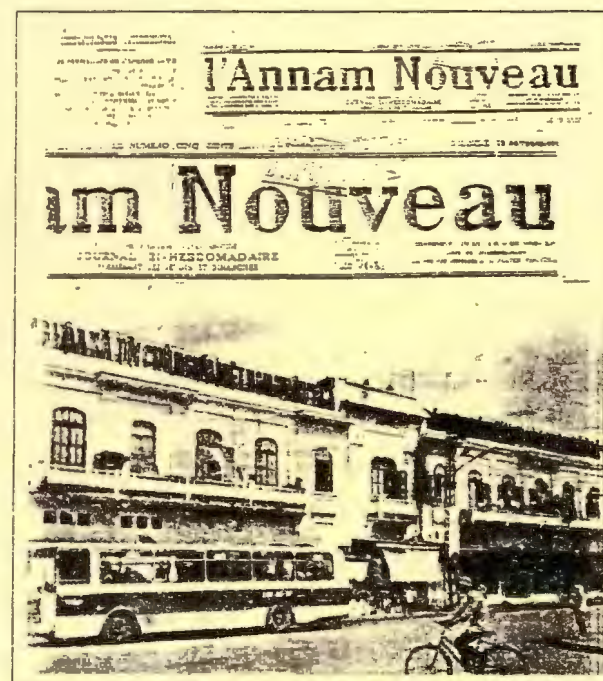
1882 o 1936

**CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906 o 1936**

NGUYỄN VĂN VĨNH

1001 BÀI BÁO

**"L'ANNAM NOUVEAU"
1931 - 1936 TẬP 16**



**TỆ NẠN HỒI LỘ DƯỚI NHỮNG
HÌNH THỨC KHÁC NHAU**

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI



15 VẼ CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ XX

NGUYỄN VĂN VINH

La concussion
sous ses différentes
formes

TỆ NẠN HỐI LỘ
DƯỚI NHỮNG HÌNH THỨC KHÁC NHAU

Người dịch :

BÙI TƯỜNG TRÁC



ÔNG NGUYỄN VĂN VINH SUY NGHĨ GÌ VỀ QUAN LẠI VÀ TỆ NẠN HỐI LỘ ?

Ông Nguyễn Văn Vinh sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, lại đông con. Vì thế, 8 tuổi bé Vinh đã bắt đầu cuộc sống lao động, suốt ngày kéo một lúc 2 cái quạt làm mát cho cả thầy trò lớp học thông ngôn của Pháp. May thay, lao động đó lại tạo điều kiện cho Vinh kết hợp lao động cật lực với sự tự học cật lực. Hết khoá 3 năm, không phải học trò mà được thi, thi chơi mà lại đỗ loại khá và thế là từ vị trí chú bé kéo quạt trở thành cậu học trò chính thức, tiếp tục học chăm chỉ. Ba năm sau, thi ra đỗ thủ khoa. Mới 14 tuổi đầu, đã được bổ sung làm thông ngôn Toà sứ Lao Kay.

Cuộc đời tự lực cánh sinh bắt đầu, công tác tốt, tự học tốt, khắc phục mọi khó khăn, lợi dụng mọi thuận lợi, phát triển và đổi mới liên tục : viên chức uy tín cao chuyển thành nhà báo, nhà văn, nhà nghiên cứu văn học và dịch gia danh tiếng kiêm lãnh đạo nhà in hiện đại hoá từng bước. Một hoạt động báo chí văn học phong phú, có tính đấu tranh cởi mở, liên tục không mệt mỏi trong điều kiện lịch sử đất nước phức tạp dưới sự cai trị của thực dân Pháp và phong kiến. Mục tiêu là góp phần đổi mới và phát triển chữ Quốc ngữ, nâng cao dân trí, phổ biến văn minh khoa học thường thức, chỉ rõ cái đúng cái sai, những thói hư tật xấu, những hủ tục phải bỏ, đấu tranh chống những tệ nạn xã hội mà toàn dân tộc An Nam lúc bấy giờ đang phải

lầm than gánh chịu. Trong đó, cái khủng khiếp, kinh tởm nhất là tệ nạn ăn hối lộ của quan lại, lợi dụng sự thiếu văn hoá của nông dân mà ăn. Tệ nạn hối lộ kết hợp với chính sách thực dân gây khó khăn vô cùng cho việc mở mang dân trí và Nguyễn Văn Vĩnh tập trung sự đấu tranh vào đó.

Bài "Tệ nạn hối lộ dưới những hình thức khác nhau" đã vạch rõ đến chân tơ kẽ tóc những mưu mẹo ăn hối lộ của quan trường - có những mảnh khoé gọi là tử tế, không quá bóp nặn dân, nhưng ngược lại những mưu mẹo ăn tiền xấu xa, ăn tiền một cách sâu cay, độc địa, tàn nhẫn... lại có xu hướng ngày càng phát triển. Và cái nguy khốn là không phải chỉ một người, một cấp ăn tiền, mà khi một người, một cấp đã ăn tiền thì đồng thời phải tạo điều kiện cho cấp trên, cấp dưới, nhiều người cùng có phần. Ăn tiền theo dây chuyền, có hệ thống. Người dân è cổ ra mà chịu, do ngu dốt, do thói quen, tưởng như quan có quyền ăn, quyền đòi được hưởng lộc trời cho !

Đi sâu vào "Các nguyên nhân của tệ nạn hối lộ", ông Nguyễn Văn Vĩnh đã tập hợp rất nhiều thư của độc giả gửi cho ông. Tựu trung, ý kiến là đã làm quan làm sao thoát khỏi ăn hối lộ ? Dù là quan huyện, phủ, hay quan tỉnh, tất cả đều là cha mẹ dân, điều quan trọng nhất là phải giữ được uy tín của mình trước dân, trước cấp dưới, trước các quan đồng nghiệp và các viên chức nhà nước quyền thế, trước các quan cấp trên. Vì thế quan nào cũng phải có ô tô, có tài xế, quan luôn luôn phải tiếp khách, khách đối ngoại để thực thi chức năng, vô cùng nhiều là khách khứa của gia đình do tâm phục sự thịnh vượng nhà quan mà đến thăm, tỏ lòng chiêm ngưỡng, lại còn ngày lễ, tết, hiếu, hỷ mà quan không thể làm lúi xùi. Đối với các thành viên

trong gia đình cũng phải sang trọng, cả trước mắt lẫn tương lai. Lương nào cho đủ ?

Nguyễn Văn Vĩnh thổ lộ : có lẽ nếu tôi mà làm quan thì cũng phải như thế. Chính vì vậy, ngành quan lại phải biến đi, tuyệt đối không được tồn tại nữa với tư cách một thiết chế, một tổ chức hỗn tạp, cùng một lúc viện cố những phong tục quá khứ và thể chế hiện tại, dụng ý duy nhất là lợi dụng những cái có lợi cho mình và bỏ qua những truyền thống tốt đẹp của quá khứ và những nguyên tắc rõ ràng, minh bạch của thể chế hiện hành.

Cả đời Nguyễn Văn Vĩnh dành cho mục tiêu nâng cao dân trí, đối với nghề làm quan và tệ nạn hối lộ, mâu thuẫn như nước với lửa. Nguyễn Văn Vĩnh luôn luôn nói và làm thống nhất - đã căm ghét tệ nạn hối lộ thì không bất cứ vì lý do gì mà chịu làm quan. Điều sau đây đã chứng minh rõ ràng.

Đầu năm 1936, thực dân Pháp không chịu nổi sự đấu tranh nói thật, nói thẳng của ông Vĩnh, muốn buộc ông thôi nghề làm báo và phải vào quan trường. Nó lợi dụng ông Vĩnh đang có nợ lớn nhà băng ĐZ quá hạn không trả được mà buộc ông Vĩnh phải chọn một trong ba điều kiện :

- Vào làm thượng thư trong triều đình Huế thì được giữ nguyên tài sản;
- Vào tù vì không trả được nợ;
- Biệt xứ Hà Nội, phải đi Lào tìm vàng.

Ông Vĩnh đã kiên trì con đường cách mạng văn hoá, nâng cao dân trí và từ chối thẳng thừng không vào Huế làm thượng thư. Ông đành chọn con đường gian khổ, đi Lào, nhưng ông không đi tìm vàng mà cốt tìm hiểu một đất nước xa lạ, tìm hiểu

một nghề chưa mấy người làm. Thiên phóng sự "Một tháng với những người đi tìm vàng" còn dở dang thì ông đã mất ở Lào, một mình trên con thuyền độc mộc, trên sông Sê-băng-gi.

Trước sự độc ác của thực dân Pháp, Nguyễn Văn Vĩnh vẫn giữ khí tiết và trung thành với lý tưởng cách mạng của mình.

**Các con cháu và chất
ông Nguyễn Văn Vĩnh**

**TỆ NẠN HỒI LỘ
DƯỚI NHỮNG HÌNH THỨC KHÁC NHAU**

Để tiến tới loại trừ tệ nạn này khỏi xã hội An Nam, thế tất phải biết trấn áp nó một cách có ý thức, tức là có tính đến mức độ nghiêm trọng từng trường hợp. Không phải theo những quan điểm Âu châu về tính trung thực nghề nghiệp của các quan toà và các viên chức nhà nước, mà lẽ phải theo những ý niệm mà dân Á Đông đã xác định về nghĩa vụ và quyền lợi của các công sở, trên cơ sở đó mà trừng phạt về mặt hành chính hay hình sự một cách thích đáng.

Trong các xã hội Âu châu, các cơ quan công quyền được phân chia và tổ chức hết sức rõ ràng, để cho mỗi công dân, khi có công việc với một viên chức nhà nước, có thể đòi hỏi họ phải thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ theo chức trách của họ. Người công dân đó có thể nghĩ và nói với họ nếu cần : "Ông đã được trả lương để phục vụ tôi". Người Trung Hoa dịch ý này là Dân - bộc (đầy tớ dân), dùng từ này để chỉ vai trò của những viên chức trong một nước cộng hoà. Tất nhiên, điều này giả định mọi công dân đều hiểu biết rõ ràng quyền và nhiệm vụ của mình. Đối với các cơ quan quyền lực hành chính thì đồng bào chúng ta có thể hiểu dễ dàng như thế. Đối với các cơ quan dân sự hoặc tư pháp thì họ hiểu biết ít. Từ nhiều thế kỷ nay, họ

quen sợ “oai” của nhà binh có vũ khí để áp đặt sự vâng lời, và sợ “oai” của các quan toà phán xét ai phải, ai trái, định tội cho những ai ra trước toà. Các vị quan toà này được coi là bậc thầy trong việc đánh giá những việc được đặt dưới sự phán xét của họ. Họ đánh giá không phải theo luật pháp như các dân tộc văn minh, mà là theo những đòi hỏi của một trật tự xã hội và đạo đức tập thể theo quan điểm vương quyền, trời đặt ra, vì hạnh phúc của nhân dân.

Trong các xã hội Á Đông của chúng ta, quyền lực nhà nước thường là chuyên chế. Mỗi viên chức nhà nước thường tập trung kiêm nhiệm tất cả các quyền lực cần thiết để áp đặt sự kính sợ đức vua. Sự phân chia tương đối chỉ là một công việc đơn giản về tổ chức bộ máy, mà nội dung không liên quan gì đến nhân dân. Mỗi viên chức thuộc quyền lực nhà nước đều tự thấy đại diện cho toàn bộ quyền lực, có quyền và nhiệm vụ đề cao sự tôn trọng không những quy định cụ thể của luật pháp mà cả uy thế vương triều.

Hai người An Nam cãi cọ thắc mắc với nhau, nếu không có một quan toà chính thống xét xử tại toà, thì họ sẽ gặp ai mời nấy, hoặc một cảnh sát, hoặc một nhân viên chính quyền, để xét xử cho họ. Chúng ta đã phải mất nhiều năm trời để làm cho những người dân thành thị, những người khá thông minh hiểu rằng cảnh sát hay sen đầm chỉ được lập ra để bảo đảm trật tự vật chất trên đường công cộng và chỉ có tư cách để ghi nhận những vi phạm mà sự trừng phạt thuộc thẩm quyền tư pháp, còn ông cấm chỉ là sếp của họ thôi.

Thẩm quyền xét xử của ông ta nhiều nhất chỉ là đánh giá vi phạm là không quan trọng và tha không chuyển ra toà.

Chúng ta thấy rõ sự lầm lẫn ngự trị trong đầu óc nông dân,

liên quan đến những quyền hạn mới mẻ của các đại diện của quyền lực, Âu châu hay bản xứ, đặc biệt của giới mà người ta ước định gọi là những quan lại, những cha mẹ dân, hiện thân của Vương Quyền, đèn trời soi sáng khắp nơi để hiểu biết tất cả, cũng vì thế mà có những quyền lực rất rộng rãi về mọi lĩnh vực. Sự phân chia ra nhiều cơ quan do sự cai trị của Pháp lập ra không có cách nào loại trừ được sự cố kết giữa các thứ bậc, giữa các chức vụ, nó làm cho tất cả các loại viên chức liên kết với nhau.

Điều này thật đến nỗi lễ độ đơn giản nhất buộc người ta phải cho là tất cả quan lại trong một tỉnh hay một huyện đều có thẩm quyền như nhau, trong bất cứ vấn đề gì... Và càng được nhận mãi sự lễ độ này, cuối cùng mỗi ông quan đều tự tin chắc mình có mọi quyền lực.

Như vậy trong những việc cần khẩn vái, mua chuộc sự ban ơn của một viên chức cần phân biệt những việc thực sự thuộc thẩm quyền, với những việc mà đương sự lầm lẫn về quyền hạn mà đưa đến. Trường hợp này họ sẽ phát huy ảnh hưởng của thế lực mình đối với cơ quan thực sự có thẩm quyền giải quyết.

Đồng bào chúng ta hiểu như thế nào về việc một quan lại buôn quyền, bán chức để ăn hối lộ. Người Âu châu cũng có biết loại lạm quyền này nhưng dưới những hình thức đơn giản hơn. Đối với đồng bào ta, lợi dụng chức quyền và ăn hối lộ, đó là một lợi ích tự nhiên gắn liền với mọi chức vụ nhà nước và biến viên chức nhà nước thành kẻ được ưu đãi, được Thần Phật ưu ái và ban phúc lộc thưởng cho những việc làm tốt, phúc đức trong đời này hay trong kiếp trước. Đó cũng là thưởng cho công lao, âm đức của tổ tiên mà họ được Thần Phật cho

làm quan lại để trở nên giàu có và bảo đảm cho bố mẹ một tuổi già vàng son, trọng vọng.

Nhưng mà đạo đức bình dân lại có sự phân biệt giữa những lợi lộc ngoài pháp luật của các quan lại với những lợi lộc bình thường - mà người ta hiểu là nhận được một cách thoải mái, một sự đền ơn đơn giản, không gây thiệt hại cho ai và cũng không vi phạm nghiêm trọng pháp luật hoặc các quy định về luân lý, về kỷ luật và lợi ích công cộng - còn lợi lộc bất bình thường thì các quan lại nhận được ngoài thẩm quyền của mình, bằng cách tự mình tạo dựng nên.

Làm sao dung hoà được những lợi lộc ngoài pháp luật này với tinh công minh tuyệt đối của người thẩm phán, và với tinh thần công bằng hoàn hảo của những người chỉ huy? Phải tin rằng chúng ta, dân Á Đông, chúng ta có một quan niệm kỳ khôi về công quyền (pouvoirs publics), ít ra nó cũng trái nghịch hẳn với những quan niệm của châu Âu, mặc dù khi phân tích kỹ những hành vi của con người, ta cũng tìm thấy ở bên trong mọi dân tộc những xu hướng giống nhau, cũng một sự xung đột giữa tình cảm và lý trí, giữa những sự yếu kém cố hữu với bản chất chúng ta, giữa sự ích kỷ cá nhân với sự công bằng phải là nền móng của những xã hội theo phương thức tổ chức và tập quán cổ truyền.

Đó là một ân huệ mà phải biết hưởng thụ mà không lạm dụng. Một đạo đức thực dụng đã được lập ra nhằm sử dụng món lợi trời cho này.

Ăn của dân mà phải được việc cho dân;

Ăn tiền có nhân có nghĩa;

Ăn tiền phải chẵn;

Ăn có nhân;

Ai cho thì lấy đừng có bóp nặn;

Tài lộc nên để tự nhiên nó đến, đừng có bới móc ra mà ăn;

Đấy là những chỉ dẫn của cái đạo đức thực dụng này.

Ngược lại là những nhận xét sau đây liên quan đến những kẻ ăn hối lộ xấu xa.

Ăn tiền một cách sâu cay, độc địa, tàn nhẫn;

Bất cần nhân tình, chẳng từ ai;

Bới móc việc ra mà ăn của người ta;

Những thu nhập phi pháp này được gọi là bổng lộc. Có những vị trí tốt bổng, hoặc trái lại không sơ mũi gì. Những thu nhập tuy ngoài pháp luật nhưng không coi là bất chính vì người ta công khai ước mong. Nó là vấn đề mà người ta thường chúc nhau trong ngày đầu năm.

Đó là quan điểm của những người được hưởng lợi. Bây giờ, chúng ta hãy xem người dân nghĩ thế nào. Người dân chấp nhận họ phải đảm bảo cho quan lại và viên chức nhà nước một số quyền lợi không quy định trong luật pháp và những quy định hành chính.

Trước hết, một cách đều đặn và định kỳ, có những quà biếu vào những ngày lễ tháng 5, tháng 10 và ngày Tết. Đó là quà bằng hiện vật : gạo, gà, ngỗng, trứng, hoa quả, trà, sản phẩm địa phương kính biếu những vị quan thanh liêm tự bằng lòng với những phong tục thông thường. Họ chỉ đòi hỏi người dân sự tỏ lòng biết ơn chính tể này và coi đó là một dấu hiệu của sự lệ thuộc và tôn trọng. Những sản phẩm đắt hơn mua ở những cửa hàng tây thay vì cho những thứ trên khi kẻ biếu là người giàu có, hoặc khi quan tỏ ý không muốn nhận những thứ quà linh tinh kia mà ngài chẳng biết dùng làm gì và ngài phải phân phát cho những họ hàng xa.

Một số ngài tuyên bố một cách trớ trêu, vô liêm sỉ với những kẻ lệ thuộc mình rằng ngài thích nhận quà dưới dạng quà tiền mà các tổng, các xã có thể chung nhau tặng, bằng cách chọn một người có uy tín trong họ đứng ra thu, được bao nhiêu tự đem đến nộp quan một cách thâm lặng...

Có thể cùng xếp vào loại này, các lễ mừng mà các chức sắc hàng tổng, hàng xã phải tặng vị tân quan mới đến trị nhậm, hay tặng vị quan mới được thăng chức, hoặc trong dịp gia đình quan có việc vui mừng, long trọng như cưới xin, lễ thọ lục thập niên của các thân phụ, thân mẫu quan, được truy tặng các chức sắc, lễ tang, ngày giỗ v.v.. Vị quan tốt thì nhận các tặng phẩm này như tự lòng người dân đem đến, và chỉ nhận khi đến nhậm chức coi như một sự tỏ lòng tôn kính hải có, một sự cần thiết về tính kỷ luật. Đối với những ngày lễ và việc vui mừng của gia đình, ngài chỉ mời dự những đồng sự trực tiếp và thân thiết, dặn dò họ đừng đem đến cái gì tốn tiền, còn những người khác thì để họ tùy ý tham gia hay không. Sự mời các viên chức phụ thuộc tham gia một lễ vui gia đình là một việc rất tế nhị. Nó chỉ được coi trọng và đón nhận thực lòng khi mà lòng tốt của sếp là rõ ràng và hiển nhiên là sự mời mọc này xuất phát từ ý muốn trong sáng làm vui lòng khách mời chứ không phải gây chuyện để người ta phải mang tặng những món quà và vật kỷ niệm ít nhiều đắt tiền theo sở thích của sếp và tùy theo uy thế của ông ta đối với cấp trên. Thói tục chấp nhận và ngay cả áp đặt các viên chức phụ thuộc phải tham gia các lễ hội gia đình của các quan huyện: đám tang các bậc phụ mẫu và bà vợ, hai ngày giỗ lớn (bố, mẹ); đám cưới con trai cả hay con gái trưởng (khi có nhiều con, sẽ là lịch sự không để các nhân viên phụ thuộc đóng góp vào đám cưới của mỗi đứa và để tùy họ).

Trái lại, những sự lạm dụng lễ hội gia đình, gồm có sự tham gia của các nhân viên phụ thuộc, rất đáng chê trách đối với các quan chức có quyền lực chỉ huy nhiều nhân viên dưới quyền. Nếu vì lý do cá nhân, người ta muốn cử hành thích cách xử sự thích đáng là tổ chức ở chỗ khác nơi ta thực thi chức năng và làm những đề phòng cần thiết để giấu không cho các nhân viên phụ thuộc biết. Hay nữa, người ta mời năm bảy người dự và căn dặn họ chỉ đem tặng phẩm một vài vật phẩm thường dùng rẻ tiền, đó và vì tục lệ đòi hỏi phải có tặng phẩm. Sự mời các nhân viên hạ cấp dự các lễ hội gia đình với yêu cầu không đem tặng phẩm là một hành vi hết sức lịch sự nhưng chỉ được họ đáp ý với điều kiện có sự thực bụng rõ rệt. Không phải mọi ông sếp đều có thể làm được.

Còn một kiểu tặng phẩm khác phần nhiều là do tự ý người tặng. Đó là những tấm thêu trang trí mỹ thuật, hay là tấm sơn mài, mạ vàng mà các nhân viên phụ thuộc tập thể tặng sếp, hoặc để trang trí nhà cửa, hoặc trong dịp tân gia, hoặc làm kỷ niệm luyến mến hay là biểu hiện của sự quý mến. Tùy theo tính chất của những quan hệ qua lại giữa đôi bên, kể cho và người nhận, có khi nội dung viết tặng có giá trị hơn vật tặng, và cũng thường khi là ngược lại. Khi nội dung có ý nghĩa văn học lớn mà cái khung thì ít giá trị, thường là người được nhận tự bỏ tiền ra thay vào cái khung đắt tiền, có giá trị mỹ thuật cao. Đó là trường hợp người được tặng chân thành thấy vinh dự vì món quà... Những kỷ niệm và những biểu lộ quý mến chân thật thường là hiếm và nếu nó được đưa tới sếp quá nhiều thì đáng phải suy xét.

Nhưng có một loại quà không đắt tiền nhưng vì nó có tính chất thường xuyên và tự động nên có khi lại tạo ra một món thu

rõ ràng nhất của một cơ quan nhà nước. Đó là lễ trình (lễ ra mắt), một loại tiền phải nộp để vào quan. Ngày xưa, nó gồm tối thiểu hai hộp chè cho một lần vào hầu đơn giản, và tám hộp chè cho những lần quan trọng. Vì các quan của chúng ta không có ý làm giàu cho những nhà buôn chè tàu, nên một tổ chức nhỏ được lập ra trong dinh. Một người hầu tin cẩn được giao cho việc nhận và tính toán những hộp thiếc nhỏ này mà cuối cùng không cần biết bên trong đựng gì. Những hộp thiếc này được bán lại cho người lái buôn ngoài cổng, theo giá bán buôn định một lần, không tính đến chất lượng bên trong, hộp bên ngoài. Người lái buôn được phép kinh doanh ở đây là một ưu đãi phải trả tiền. Những hộp chè này phải được đánh dấu, sau lại bán cho các khách hàng khác để tiếp tục tặng. Chúng vào dinh cửa trước và đi ra cửa sau giống như những thẻ đánh bạc chỉ có giá trị khi được mua đúng cửa giao dịch đã chỉ định. Dần dần, kiểu tặng hộp chè này đã bị người ta loại bỏ vì nó công kênh, gây mang tiếng vì số lượng nhiều, vì kiểu cách dâng tặng để thay bằng tặng tiền. Thời gian đầu, người nhà quê còn làm với một chút hình thức. Họ chọn những đồng bạc sáng bóng, để trên một khay chè và dâng lên kèm theo hai lạy. Chắc chắn vì lẽ đó mà người Âu châu đã gọi quà tặng quan là một lạy. Về sau người ta thấy buồn cười cái cảnh chiếc khay lớn đựng vài đồng bạc, thỉnh thoảng 50 xu đúng giá trị 2 hộp chè. Một tổ chức mới được đặt ra để loại bỏ kiểu dâng tặng này, được nhận xét là vừa phiền lụy vừa bất lịch sự. Người đầy tớ hầu trà trở thành người thu tiền vào cửa, được lệnh chỉ cho vào những kẻ đã trả tiền, và ghi tính toán với chủ tất cả những tiền đã thu. Quan chủ, ngài cũng ghi chép cẩn thận để cuối ngày kiểm tra lại giữa thầy và tớ. Như vậy là rất chỉnh tề với ý

nghĩa đó là tên đầy tớ làm nhiệm vụ đón khách, có vẻ như nó nhận tiền bo cho nó. Quan chủ có thể giữ thế cao thượng đuổi những kẻ đại đột vì không theo lệ mới, vẫn tiếp tục mang đến những món quà như cũ. Bị đuổi, hộp gập ở cửa người nào đó chỉ cho họ biết cách làm tắt.

Tôi không nhấn mạnh thêm vào những chi tiết của tổ chức này, nó có thể biến hoá vô tận. Phương thức đã được chấp nhận, những thu nhập bình thường của sếp trở thành tùy thuộc vào hoạt động công việc, chứ không gắn với tính chất và tầm quan trọng. Từ đó, các ngài muốn có thu nhập càng nhiều hàng tháng thì phải tạo ra và đẩy mạnh hoạt động này. Cả một thủ tục hành chính được tạo ra để buộc những kẻ đi kiện và dân đen có việc vào dinh phải lần lượt qua tất cả các cấp, theo một trật tự chặt chẽ để bảo đảm thu nhập cho mỗi cấp, lớn hay nhỏ tùy theo tầm quan trọng của chức trách. Vì sếp lớn mà biết tổ chức c và chỉ huy bộ máy làm tiền lớn lao này thì, ngoài số tiền xin vào gập mà ngài được hưởng, ngài còn được hưởng một phần từ số tiền mà các nhân viên phụ thuộc thu được do sự xếp đặt của ngài. Thế là thành một tổ chức làm tiền thật khoa học mà sự khéo léo ngang tầm với sự chuẩn hoá và tiểu chuẩn hoá Mỹ quốc. Đó là sự bắt buộc nhân dân đóng góp tiền của, không biết chắc mà cũng chẳng nguy hiểm gì vì dân quê không kêu ca gì khi nộp tiền xin vào gập. Đó là một khoảng tiền góp, mà họ bằng lòng không ca thán, mặc dù nhận xét rằng quan hệ với các nhà cầm quyền là quá đắt đỏ và nên cố tránh đi trong mực mà công việc cho phép. Thế nhưng, quan lại thạo đời biết tạo ra theo cấp số nhân những quan hệ và buộc dân đen phải đến với họ. Chính vì lý do này mà đồng bào chúng ta xếp vào hàng thánh nhân các vị quan biết đơn hoá sự

việc và giảm cho dân đến mức tối thiểu những sự tiếp xúc với cơ quan nhà nước để tránh cho họ những phiền nhiễu và tốn kém tiền bạc. Những nhân viên chư hầu và đủ loại kẻ môi giới sống xung quanh quan, quan thường vòi vĩnh thêm bằng cách dọa nạt, giở trò ăn hiếp những người khốn khổ có việc phải đến những nơi ghê tởm này. Ông quan đạo đức là người nhận thấy rõ sự khiếp sợ và nỗi gian truân mà cận thần của ông ta gây cho những người thường dân chỉ mới tới xin gặp. Sự cần thiết giữ một chút ít uy tín buộc quan phải có một nhóm tùy tùng mà họ trông vào khách dân đen mà sống. Vì thế, lòng tốt khiến họ phải làm ngược lại với cách mà các nhà buôn thường làm, tức là tránh cho mọi người khỏi gặp quan và các tùy tùng của ngài. Có tùy tùng thì quan phải nuôi sống họ nhưng chỉ trong mức tối thiểu cần thiết. Đó chẳng qua là một lũ chẳng hay ho gì mà sự tồn tại là một sự phi đạo đức. Lũ này chỉ sung sướng khi phục vụ những ông quan vô đạo đức và ta thán khi sếp quá tốt và để cho dân gặp quá dễ dàng.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào sự ăn đút lót thường cũng gọi lẫn là ăn hối lộ. Đây là việc một công chức nhận trái phép những số tiền hoặc tất cả các vật có giá trị khác, trong khi thi hành chức trách, để hành động có lợi cho kẻ đút lót, hoặc là có hại cho nhà nước hay những tư nhân, hoặc trái lại với sự công bằng. Ăn đút cũng có thể là làm cho người có liên quan phải chi để thực hiện một hành động hay ra một quyết định đúng theo pháp luật và viên chức đó đã được nhà nước trả lương để làm. Để hoàn chỉnh định nghĩa, ăn đút lót còn là nhận tiền để không làm việc đáng lý phải làm, bằng cách giả vờ quên, sơ suất hoặc làm lẩn. Cũng là ăn của đút việc nhận những quà biếu để tỏ lòng biết ơn về một công việc mà quan đã tự ý làm

theo lẽ công bằng và phụ hợp với luật pháp và quy tắc mặc dù không có ý đòi hỏi trước.

Ăn của đút điển hình bao gồm việc người quan toà đòi hỏi của đút của những kẻ bị xét xử để nghị án có lợi cho họ.

Trong lĩnh vực quản lý hành chính, ăn của đút bao gồm : nhận tiền mà biệt đãi kẻ này, làm hại kẻ khác; để ra những khuôn phép quá đáng, mất lòng dân để moi tiền những kẻ muốn né tránh; thường là tiền nhận vào của kẻ nào thì ban ra những ưu đãi, những ngoại lệ; làm sai lệch kết quả thi tuyển vào những công việc và chức trách có lợi cho kẻ đã chi ra.

Đó là những cách thức khác nhau mà tinh thần vụ lợi hướng một cách tự nhiên khi người ta đã mất đi khái niệm của một nhà truyền bá hay của một sứ mạng cao quý của giới chỉ huy tinh hoa. Những cách thức này không có chi là quý quái. Nhưng chính trong những sự tinh tế khi thực hiện trong cái nghệ thuật tuyệt hảo mà họ đưa vào thực thi mà phải tìm cho ra cái tinh quái và sự đồi bại. Thường thường, chính những kẻ khờ khạo mới tiến hành trực tiếp và bị bắt quả tang một cách ngu ngốc. Tuy ma lanh biết tổ chức tốt hơn cách bóc lột của họ, không những họ chắc chắn thoát khỏi sự trừng phạt mà họ còn luôn luôn được đánh giá là những kẻ thông minh hơn và hoạt động hơn.

Chúng ta hãy nghiên cứu một chút cái kỹ thuật khéo léo này. Trước hết, nó là một nguyên tắc mà không bao giờ được từ bỏ nếu không muốn làm hỏng công việc và phá hoại chức trách, vì chính lợi ích của sếp, vì những nhân viên thân cận dưới quyền và vì những người kế vị.

Mọi cuộc gặp gỡ thế tất phải trả tiền và làm sao những việc làm đều được trả công cao hơn thực giá. Trong danh từ thương

mai, người ta nói : không được làm giảm giá, không cho khách hàng có những thói quen xấu chơi.

Nếu ngài không biết cách xoay xở, hãy giao việc này cho một kẻ thông thạo.

Hãy giữ khoảng cách khó gần gũi. Đừng tiếp bất cứ ai nếu không có ý kiến và sự bằng lòng của kẻ trung gian này. Hãy lựa chọn khéo các mối quan hệ. Hàng ngày, hãy thu tiếp những bạn tốt, không vụ lợi và thích ăn chơi. Nhưng hãy coi như bệnh dịch hạch mà tránh xa những kẻ hay xin xỏ, can thiệp cho bạn bè, khác với những kẻ làm trung gian hay môi giới vị lợi. Hỹ đảm bảo sự thống nhất trong lãnh đạo công việc. Phải dựa chỉ vào một cố vấn kỹ thuật mà tất cả mọi công việc đều phải qua anh ta.

Nếu ngài tự biết cách xoay xở thì lại khác, sẽ hoàn toàn làm chủ chiến thuật của mình, tự đánh giá sự thù lao và thực hiện nó theo ý muốn, với sự khôn khéo để không bao giờ sa vào bẫy, hoặc bị mang tiếng xấu.

Những nguyên tắc này đã được chấp nhận, chỉ còn việc làm cho công việc sinh lợi. Muốn thế, cần phải được thông báo những gì xảy ra trong các làng, và nếu cần thì có cảnh sát riêng của mình để xác minh những báo cáo chính thức của cấp dưới. Khi người ta biết ngài đã thông tỏ tình hình, không một ai dám giấu giếm gì, và tất cả mọi sự đều phải qua ngài, ngay cả những việc không thuộc thẩm quyền của ngài, theo sự phân quyền mới.

Sự chăm lo được thông tin trước hết giúp cho ngài đối với cấp trên không bị những bất ngờ đau buồn, những âm mưu chính trị được tổ chức trong huyện chống ngài, đưa đến một sự thuyên chuyển, một án phạt kỷ luật, ngay cả sự cách chức,

cũng có khi bị một buộc tội về đồng loã. Tổ chức thông tin này vừa là rất bức thiết, đồng thời lại sinh lợi. Vì ông sếp mà thông tỏ mọi tình hình thường gây sợ hãi cho những ai mà ông chỉ đặt một câu hỏi. Đó là vì nếu mọi người đã làm đầy đủ nhiệm vụ, ngài đã không phải hỏi. Tất cả mọi sự việc đều phải báo cáo ngay. Một câu hỏi đơn giản, đối với một chánh tổng hay một lý trưởng đã chậm trễ trong việc báo cáo, có thể mang lại tiền bạc để nhận lỗi, nghĩa là một tặng phẩm đất tiền để xin tha cái lỗi đã quên hay ngu dốt. Và hãy tin chắc là kẻ đưa quà sẽ giữ kín không kêu ca với bất kỳ ai. Ngài sẽ tha lỗi hay không tha lỗi tùy theo sự quan tâm giúp đỡ của đương sự có còn cần thiết cho ngài hay không. Sự tự quan tâm của ngài có thể chắc chắn thay thế được hay không. Sự từ chối đơn xin tha tội sẽ được đền bù bằng sự thay tên cận thần xấu. Người ta vui lòng nộp tiền cho ngài để được hầu ngài khi mà ngài là ông sếp năng động, biết kiếm tiền và giúp cho những kẻ hầu hạ ngài cũng chẳng làm được như thế.

Thật là một sự sai lầm tưởng rằng chế độ bầu cử bằng phiếu kín làm mất đi mọi khả năng ăn tiền. Ở đây, cũng như ở các nước thuộc chế độ đại nghị, chính cơ quan quyền lực tổ chức các cuộc bầu cử, sếp mà biết chỉ huy thì nó bao giờ cũng diễn ra theo ý sếp. Ứng cử viên có khả năng trúng cử phải là những người đã được đỡ đầu và chỉ đi bỏ phiếu bầu những cử tri mà người ta cử đi. Quả là một sếp bất tài mới để một ứng cử viên trúng cử mà ngài không muốn.

Một ông quan thạo nghề làm quan có thể đạt tới việc bán đất những chức vị mà chẳng ai màng tới. Phần tôi (tác giả bài này), tôi biết cả một chức vị chánh tổng đã được mua với giá rất đắt sau 3 năm không có người màng tới. Tôi khâm phục vị

quan đã làm được việc đó. Vừa tới nhậm chức và được biết tình trạng thảm thương này gây nên bởi các vị tiến nhiệm, vị quan này đã gọi vào dinh một ứng cử viên bất ngờ nhất, một tên lý trưởng bất lương nhất trong những tên lý trưởng của tổng và không cho nó cơ hội này, miễn là nó phải tự giàn xếp với các tên lý trưởng khác để họ khỏi chống đối. Đó hiển nhiên là một cách kích động họ và tám ngày sau, toàn tổng đã chi tiền ra để khỏi có tên bất lương này ở trên đầu, khỏi nói đến tên ứng viên bất đắc dĩ mà tổng đã giới thiệu vì sợ nguy cơ bị cai trị bất lợi. Vinh dự được bầu một cách mặc nhiên cũng phải trả tiền. Và thế nào là một ông quan thạo đời? Bởi vì, ngoài việc làm công việc của chính mình, các quan tỉnh còn hài lòng về sự lên giá một món hàng chẳng ai cần. Thật vậy, người ta biết rằng với cái quy tắc mới, những cuộc bầu cử lý trưởng và chánh tổng đều phải qua quan đầu tỉnh và ngài được hưởng lợi. Khi có một vị trí vắng chủ, các ứng viên phải nộp đơn không phải cho tri phủ hay tri huyện mà là cho các quan tỉnh. Các vị này chuyển hồ sơ cho cấp dưới lệnh tổ chức bầu cử, có nghĩa là chỉ tổ chức khi chắc chắn sẽ đạt được số tiền có giá của vị trí đó. Một giá thầu đã được định ra và các ông phủ, huyện phải làm sao đạt được với một khoản dư cao hơn vừa đủ cho phần họ và các nhân viên thuộc quyền. Đây là một chi tiết về tổ chức mà chính các quan phủ, huyện đã đặc biệt lưu ý chúng ta.

Với quy chế cũ, họ được tự do đòi số tiền vi thiếng, nhiều ít hay cho không tùy theo chức vị đó có tốt bổng hay không, còn ngày nay, họ phải thừa lệnh các quan tỉnh trong tất cả các cuộc bầu cử, không có ngoại lệ. Bây giờ, chính là quy chế mới đã làm giá các chức vị chánh, phó tổng và lý trưởng. Và các ông phủ, huyện nấp sau những lệnh từ trên, tự thấy mình buộc

phải đòi tiền. “Không phải đòi cho tôi; tôi bằng lòng từ chối phần của tôi, nhưng đây là để biểu cụ lớn (quan tỉnh)”. Đó là lý lẽ điển hình đưa ra với người được bầu nghèo khó không sẵn sàng chi ra. Và chúng ta thừa nhận nhiều khi sự khăng định này là thành thật. Từ đó phải kết luận rằng về vấn đề hành chính bản xứ và trong tình trạng tinh thần hiện nay, một công việc càng có nhiều người tham gia, càng gây tổn kém cho đương sự. Cái mà chính quyền cho phép coi là những đảm bảo cho sự hợp thức, thì bị người dân coi là những khó khăn vô ích sự mà tốn tiền. Người nhà quê thích chỉ có công việc với quan huyện của họ mà họ phải chi trả nhiều hay ít, ngay cả không phải chi gì cả, tùy theo giá trị của công việc xin làm.

Phần đông các quan đứng đầu phủ, huyện chống đối lại cái quy tắc mới về các nhân viên tổng, lý; họ không ưa cung cách đặt ra số tiền mà họ phải đòi ở các ứng viên cho mỗi chức vị. Hình như họ có thể mang lại một chút công bằng hơn trong việc khai thác nguồn lợi lấy ra từ các cuộc bầu cử.

Bây giờ, chúng ta hãy nói đến những công việc khác, những vụ rắc rối xảy ra trong các làng và nó đòi hỏi sự can thiệp của chính quyền. Cướp bóc, ăn cắp, tội phạm hình sự và nợ nần dân sự, sự cố vô tình hay cố ý gây ra, tất cả đều phải báo cáo lên quan đầu huyện. Trước khi báo cáo lên chính quyền tỉnh, quan huyện bao giờ cũng tiến hành một cuộc điều tra. Chính cuộc điều tra này gây ra những mưu toan rút tiền mua chuộc từ phía các đương sự, nhằm được những báo cáo có lợi cho họ. Muốn vậy, phải làm cho cuộc điều tra có vẻ quan trọng để gây ấn tượng trong nhân dân và làm cho nhân viên hành xã có những lo sợ mơ hồ liên quan đến trách nhiệm của họ. Theo thói quen, tất cả nhân viên thuộc đoàn kiểm tra phải sống tại làng trong suốt thời gian làm việc. Thừa phái, lính lệ, lính cơ,

thư lại đều ở trọ tại nhà nạn nhân hay họ hàng nạn nhân nếu sự việc điều tra vụ trộm cắp, vụ cháy nhà hay ám sát. Nếu họ không có khả năng cho trọ thì chính lý trưởng phải tiếp trọ, nhân danh làng và thay cho làng và sau đó tính toán lại các khoản chi, thường là dư tăng. Nếu làng được sự chiếu cố của quan đầu huyện, phủ, người ta thu xếp để đẩy mạnh cuộc điều tra, thu nhỏ bớt số nhân viên công tác. Về mặt này, chúng ta nhận thấy một chút tiến bộ. Có những làng không chịu sự bóc lột như vậy, và tự họ thúc đẩy nhanh các cuộc điều tra và từ chối không cho người của huyện phái đến được trọ. Nhưng thật khó mà từ chối không cho tiền bo đối với lính hoặc tùy phái đem thu lệnh đến và sẵn sàng xin xỏ khi nó biết rằng không thể đòi hỏi. Quan có thể chơi xỏ bằng cách hàng ngày cử tùy phái đến, nếu anh đã không chú ý tranh thủ đặc ân của ngài bằng cách ra mắt ngài ngay từ khởi đầu công việc của mình. Sau hết, người ta có thể thương lượng một hợp đồng trọn gói để dè chừng mọi bất trắc, hay chỉ bị phạt ở mức tối thiểu bằng cách nâng cao một chút giá trị quà tặng trong những ngày lễ tết đã kể trên.

Sau cuộc điều tra, còn có cái báo cáo lên quan tỉnh, ngày nay là bắt buộc đối với mọi công việc phần nào quan trọng. Đó cũng là một bảo đảm nữa, chỉ bảo đảm quyền lợi cho những quan tỉnh...

Bây giờ hãy nói đến các toà án bản xứ. Với tổ chức mới và thủ tục tố tụng mới, đặc biệt sinh giấy gờ, chính các viên lục sự được hưởng lợi. Ngay quan toà cũng hết quyền hành. Cũng có người thẩm phán chuyên việc lấy cung luận tội có thể làm tiền khi nó biết áp đặt những câu chữ của nó buộc người viết biên

bản án sự phải theo, hoặc là nó hoàn toàn phụ thuộc vào tay lục sự, một nhân vật mới được hưởng một vai trò đặc biệt quan trọng và có sự hiểu biết hơn người về thủ tục tố tụng. Quan toà chỉ còn có việc tuyên án theo những kết luận của việc lấy cung luận tội mà tránh được chia cho thẩm phán lấy cung và lục sự viết biên bản án sự. Lại một trong những bảo đảm mới chỉ hợp với những công dân hiểu biết về quyền lợi của mình, nhưng không hợp với những kẻ bị xét xử của chúng ta. Họ không có khả năng ngay cả việc trình bày rõ ràng lời cung khai của họ và đành chịu trông cả vào sự tùy tiện của các lục sự, nó giúp họ nói những gì họ muốn nói hay đúng hơn là nói những gì có lợi cho họ. Một vai trò đáng sợ đối với một người thận trọng và rất ra tiền cho một người định lợi dụng vì lợi ích riêng. Nó có thể làm thế không chút nguy hiểm gì vì những biên bản án sự này về bản chất thuộc đôi bên; các bên đương sự đều ký và những chữ ký này hoàn toàn che chở cho tên lục sự về sau có những tranh chấp. Về quan điểm truyền thống, đó là một điều thật sự tai tiếng trong một vài tỉnh thấy viên lục sự toà án có thể mạnh hơn tất cả các quan tỉnh cộng lại, các ngài buộc phải nể hấn để được thuận lợi khi đứng ra can thiệp cho kẻ này kẻ kia.

Vả lại, đã có những sự thoả thuận với nhân vật mới này, đã chúng tỏ sự thông minh khi làm việc hoà hợp với các thế mạnh đương quyền.

Trong xứ sở, có hẳn một đội quân những kẻ mỗi chài sau việc cho các quan lại và viên chức vụ lợi, cũng cho cả các phòng luật sư mà dân quê ngu ngơ của chúng ta coi như những văn phòng có tính chất bất ngờ. Đối với người Âu châu thì quen coi những luật gia này là những người bảo vệ công lý.

Khái niệm một ông nhận tiền công để cố vấn cho những người đi kiện và thay họ bảo vệ tốt hơn những quyền của họ

trước toà án rất khó vào đầu dân quê An Nam, mà họ cho rằng quan toà phải sáng suốt khi làm quan toà. Nếu tri thức của luật sư phải phụ thêm vào tri thức của quan toà mà luật sư lại nhận tiền công để làm việc này thì hình như họ là một loại quan toà được pháp luật cho phép buôn bán quyền hạn và ảnh hưởng để tác động vào những quyết định của toà án. Tóm lại, đó là một nghề không thể chấp nhận theo những quan niệm đơn giản hoá quá mức của chúng ta về công lý. Công lý về nguyên tắc phải là tuyệt đối không mất tiền mua, mọi tiền công đòi hỏi ở người đang hầu toà, bên nguyên cũng như bên bị, ngay để làm một công việc mà tài trí cá nhân có vai trò quan trọng, đều không tránh khỏi bị coi là một thu nhập ngoài pháp luật. Vì thế mà nhiều người An Nam nói rằng luật sư là những kẻ buôn bán công lý có môn bài. Từ đó, họ xem nhăm họ như những người dàn xếp công việc, chỉ khác một điểm là họ có quyền cãi trước toà án.

Tôi đã tưởng có nhiệm vụ làm rõ tâm trạng đặc biệt này trong ý nghĩ của những ngài luật sư có ý thức cao về sứ mạng cao quý của mình. Trong một xứ sở có ý thức như thế, họ phải tâm niệm việc làm cho người dân biết bộ mặt tốt đẹp của vai trò luật sư. Và như vậy, cũng vì danh tiếng của những thể chế cộng hoà tốt đẹp mà than ôi, ý nghĩa của nó thường bị làm xấu đi bởi những đồng nghiệp có tinh thần quá thực dụng, họ thấy tiện lợi hơn là tự giới thiệu với khách hàng An Nam dưới bộ mặt kém vinh quang, nhưng đã quen biết.

Bây giờ, chúng ta trở lại với những người chạy việc, mà có những người có số khách hàng gây thèm muốn cho những phòng luật sư đông khách nhất.

Không phải bao giờ những người có chức vị nhất, nghĩa là những người đã có môn bài, tự xưng là người chạy việc, cũng

là người có nhiều việc hơn. Phần nào cũng như một số nghệ sĩ, nhà kim hoàn, hãng may thuê, họ nhận và thực hiện những đơn đặt hàng lớn mà không mở cửa hàng. Chức vị thật sự của họ chính là những mối quan hệ mà họ biết nuôi dưỡng với những nhân vật mọi cấp bậc, cho phép họ can thiệp không chút rủi ro với tư cách bạn bè cho những người bạn, tức là những khách hàng. Để lôi cuốn về nhà mình những quan hệ béo bở này, tất cả các biện pháp thu hút được thực hiện: cờ bạc, chè chén và hú hí với các phụ nữ xinh tươi, hút thuốc phiện. Cờ bạc và thuốc phiện vừa đem lại tiền bạc vừa biến khách hàng thành bạn có thể nhờ vả được. Nếu không thể dựa vào ảnh hưởng của họ hay đưa họ vào hành động thì chỉ riêng sự có mặt của họ trong nhà cũng cho phép tiến hành những cuộc chạy chọt và thế là đủ cho việc làm tiền. Chỉ riêng việc tiếp đón tại nhà những nhân vật có thể có ảnh hưởng đến một quyết định hành chính hay tư pháp cũng đủ để các đương sự không ngại đóng một khoản tiền ửng lớn để mong chờ việc chạy chọt cho họ. Chính vì lẽ này, xin khuyên các nhân vật có tiếng, hãy lựa chọn cẩn thận các mối quan hệ, đừng để bị lợi dụng vì những mối quan hệ với một số chủ nhà hiếu khách.

Chính những kẻ chạy việc cho các viên chức và quan lại ăn tiền, lại đưa khách hàng của họ đến các văn phòng luật sư. Đối với các vị này, họ có cái lợi hơn là sử dụng được mọi thẩm quyền, vì họ có thể lựa chọn con đường nên đi, con đường hợp pháp hay con đường không chính thức.

Ở tỉnh, có sống cả một đội quân những kẻ chạy việc có địa vị và công việc không nhất định, họ làm những việc mà người ta đưa đến, nếu không thì cũng biết tạo ra việc các viên chức hưu trí, thân hào có tiếng của các làng, kẻ cho vay và cho vay nặng lãi chuyên cho vay ửng trước để nộp thuế, chủ quán ở xung quanh văn phòng quan lại, tất cả đám này luôn luôn sát

gần dân, hiểu biết công việc của dân và biết hướng dẫn tìm cách để thành công. Để biết được quan lại tại địa phương thanh liêm hay tham nhũng, chỉ cần xem xét đám đông đặc biệt này, họ sống nhờ quan và giúp quan sống. Khi những kẻ trung gian này bị rơi vào cảnh thất nghiệp, họ rời đi nơi khác hoặc kêu đói.

Có những ông quan thanh liêm bị dân ghét, bởi càng chu đáo và công bằng, các ngài càng làm rối rắm những công việc đơn giản nhất và buộc đương sự trước cửa quan phải đi nhờ vả các cố vấn đắt tiền. Như vậy, sự thanh liêm chưa đủ để trở thành một sếp tốt. Còn cần phải có nhiều quan tâm trong sáng để tránh cho dân những buồn phiền và sự sợ hãi là không đúng luật.

Trái lại, có một loại tham nhũng tử tế, nó đạt kết quả vì nuôi sống mọi người trong chừng mực vừa đủ để khỏi gây ác cảm cho dân chúng. Than ôi, thái độ này là đặc tính của những ông quan có vị thế, ưu ái vừa vừa với dân, vừa với các sếp cùng hưởng một phần lợi, hơn nữa, lại được sự chắc chắn không bị phiền nhiễu do có thuộc cấp khôn khéo.

Tôi kết thúc bằng cách lưu sự chú ý đến một nguồn tiền lợi khác của các quan và thuộc cấp của họ. Đó là hàng nghìn sáng tác mới của chính quyền Pháp, những cuộc điều tra và những yêu cầu về số liệu thống kê về canh nông, sản xuất địa phương, nhân công, gia súc, điều tra dân số, sự biến động nhân chủng học, tất cả những việc mà sự hiểu biết đúng đắn là một lợi ích dĩ nhiên, nhưng nó lại không ăn nhập vào trí khôn thô thiển của dân quê chúng ta và những chánh tổng và lý trưởng của họ. Mỗi bản in để điền vào, với những cột và dấu ngoặc vuông phức tạp, bù giá từ 5 đến 20 đồng bạc mà lý trưởng phải mua, sau sẽ được làng trả tiền lại. Để tránh khỏi nguy cơ điền nhầm và làm hỏng các tờ in đẹp đẽ của nhà

nước, họ thích nhờ một trong những thư ký trong dinh làm hộ việc này, thường là nhờ chính người mà quan giao cho việc kiểm soát và nhận lại các bản in. Tiền bo làm việc này khoảng một trăm làng hợp thành huyện hay phủ là khá cao, đừng tưởng rằng món lợi bất ngờ người thư ký được hưởng cả một mình. Thường là tất cả đám nhân viên trong phòng chia nhau, trừ phi sếp dành cho mình bằng cách chỉ khoán một món tiền cho người thư ký được giao làm việc này.

Như vậy, nếu không muốn ưu đãi cho nhân viên bàn giấy lợi dụng sự ngu dốt của dân mà bóc lột thì chính quyền Pháp có thể tổ chức một cách thông minh tất cả các cuộc điều tra và yêu cầu những số liệu thống kê. Có những vấn đề tưởng như trên giấy tờ thì rõ ràng và đơn giản hết sức, nhưng các lý trưởng của chúng ta không thể trả lời, đó là vì cuộc sống và những công việc An Nam không được tổ chức như cơ quan chính quyền tưởng. Đối với các ngài, tưởng như rất tự nhiên mà hỏi các nhà nông: họ đã dùng bao nhiêu ngày công cày đất, ngày công thợ gặt, ngày công tát nước trong một vụ lúa; họ đã thu hoạch bao nhiêu thóc lúa, ngô, đậu nành, mía và những sản phẩm linh tinh. Tất cả những số liệu làng cung cấp lên với vô vàn vất vả với giá trị bằng vàng, nhưng đều sai tuyệt sai. Cần phải có những nhà kỹ thuật, quán triệt tinh thần khoa học và hoàn toàn hiểu biết những phương pháp làm ăn bản xứ, để có thể lập ra các số liệu này với sự phỏng chừng chấp nhận được và có thể làm cơ sở cho những nghiên cứu chung cho những tổ chức thật sự hữu ích.

Nguyễn Văn Vĩnh
L'Annam Nouveau
 Số 110, 111, 112, 113
 ngày 13, 21, 25, 28/2/1932

NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA TỆ NẠN HỐI LỘ

Loạt bài của chúng tôi về tệ nạn hối lộ đã đem đến cho chúng tôi rất nhiều thư, những thư phản đối, những cái khác thì xác định rõ hơn, rất nhiều thư khen ngợi nhiệt tình. Chúng tôi nhận tất cả với lòng biết ơn, vì nếu một số bạn đọc đã hiểu sai ý định của chúng tôi mà tưởng lầm là một chiến dịch bôi nhọ hay tố cáo, thật ra đó chỉ là một việc làm sáng tỏ cần tiết nếu chúng ta muốn giúp chính quyền nhanh chóng tìm ra bài thuốc hiệu nghiệm chữa trị một tình trạng quá chậm biến đi mà cả người khai thác lẫn kẻ bị khai thác đều phải chịu đựng. Các bạn đọc đã đem lại cho chúng tôi những điều sáng tỏ mới và những chi tiết chính xác có giá trị lớn. Tôi thật tâm an ủi những bạn mà tôi có thể có trong hàng ngũ danh giá những viên chức chính quyền bản xứ, nói rằng nếu tôi là quan lại, có lẽ tôi cũng làm như họ làm, tuân theo việc ấy, những ảnh hưởng của môi trường xã hội và những sự cần thiết của nghề nghiệp.

Vâng, tôi sẵn sàng thu thập những bài viết mà tôi đã nhận được để khỏi nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Trước hết, tôi xin gạt bỏ lời trách cứ là đã mở rộng hoá vấn đề mà tôi không mắc, tôi đã công bố rất nhiều loại trừ, nhất về những gì liên quan đến các vị luật sư, một giới mới được thành lập mà số đông đã tận tâm hoàn thành một công việc không những khó khăn và bạc bẽo, mà còn là một công trình khai tâm. Bởi vì, phải nói rằng thủ tục tố tụng Pháp vận dụng một

cách thông minh, soi sáng cho những đương sự bị xét xử về những bảo đảm mà luật pháp đã tạo ra cho họ. Và thực tế, vinh dự của thể chế như được bảo vệ, khi chỉ một phần trăm dân quê khốn khó thấu hiểu được những tinh tế của thủ tục tố tụng.

Nhưng đó không phải là vấn đề quan hệ đến chúng ta. Trước việc chúng ta trưng ra những mảnh khoé làm tiền, dàn đồng ca các quan lại nhất trí tuyên bố như sau :

Nhưng làm sao sống được với đồng lương, dù cho nó có được gấp hai, hay gấp ba lần, khi mà một quan huyện thường, muốn làm cho tốt mọi công việc mà nó phải làm và đồng thời lên mặt sếp, nó phải có đồng kẻ hầu người hạ và một cái xe hơi. Chỉ riêng mình cái xe hơi này đã hơi hết toàn bộ lương tháng, hãy tính vào đó trả dần số tiền vay để mua, chi phí hàng tháng trả cho ga-ra, cho lái xe, cho xăng dầu và các việc sửa chữa.

Cũng có một số ít quan không chịu được thực hiện sự chi tiêu quá mất cân đối với thu nhập hợp thức của họ. Nhưng sự khôn ngoan này thường bị coi như một tính toán sai lầm. Nó sẽ dẫn thẳng đến chỗ bị ghét-bỏ. Đây có vẻ như một sự tiết kiệm những mẫu nển vô tích sự, cách suy nghĩ cũng những thàng gàn hay của các cụ đồ già, tốt hơn là đây đi nơi nào đó, đến vùng thổ mường để được những mâm quà tặng đầy xôi nếp và thủ lợn luộc. Ở những vị trí vùng đồng bằng, hàng tháng ít ra cũng có một việc mà tầm quan trọng đủ biện bạch cho việc mua một cái xe ô tô và bởi vậy phải mua. Nếu không, ông không còn là người của thời đại. Vị quan này sẽ được kính trọng như thế nào khi phải đi nhờ một chỗ trong xe chánh tổng hay xe của thầu khoán, để đi theo ngài công sứ hay người đốc công giao thông công chính dọc theo chiều dài con đê của

huyện ? Ngài tổng đốc có thể bảo ông lên xe ô tô hòm của ngài, nhưng phải tính toán, khi nào cần có mặt ở đây và phải có mặt ở đây trước đã. Bởi vì, các cuộc kiểm tra này cần được chuẩn bị và nếu ông không muốn bị những bất ngờ khó chịu, ông phải tự chinh mình đã đến địa bàn một giờ hay nửa giờ trước vùng đi kiểm tra của các sếp, để ở đó khỏi thiếu một cái gì và để có thể giải thích mọi sự còn thiếu. Như vậy, xe hơi là một sự cần thiết, mà chỉ riêng nó, đã soi hết một tháng lương. Ông cũng không thể nào muốn các bậc "cha mẹ dân" lại cười xe máy hay xe đạp. Một viên chức kỹ thuật, một y sĩ, một nhân viên trách địa còn có thể có, với nửa giá, một ô tô sáu mã lực, tự lái lấy và sửa lấy theo kiểu tài tử, hai bàn tay đen sì dầu mỡ và quần áo lao động nằm giữa hai bánh. Nhưng đối với một vị quan đầu huyện, đầu phủ, cách sử dụng máy móc theo kiểu tài tử này không thể được chấp nhận. Thế tất phải một xe hơi chạy tốt và một tài xế - kỹ thuật viên để vừa lái vừa chăm sóc sửa xe.

Sự sở hữu một cái ô tô ở nhà một ông quan, hay ở nhà bất kỳ ai mà công việc đòi hỏi phương tiện di động nhanh này, liên quan đến cách sống thích hợp trong nhà. Dù rằng, không cần phải ghi nhận nệm xe của ô tô êm hơn nệm giường họ và các bạn hữu có lẽ được tiếp đón trong xe ô tô hòm tốt hơn ở phòng khách trong nhà. Có những lý do phải chi tiêu loại này, nên không cấp thiết hơn, mà sẽ không cần thiết nêu ra.

Chúng ta hay thêm vào sự thể trên những thói quen nổi tiếng, đòi hỏi một ông quan phải miễn trừ cho mọi thành viên trong gia đình các công việc chân tay hay hạ lưu. Mỗi quan tâm này đối họ hàng gần hay xa, làm cho người ta không ăn những bữa cơm thương nữa mà chỉ là bữa tiệc linh đình. Đó là

cách mời về người bạn cũ, bạn học đồng môn cũ của cha hay ông nội, họ đi qua và có lòng hào hiệp tới thăm, chiêm ngưỡng quý dinh cơ và tỏ lời chúc mừng. Nếu chuồng gà luôn luôn chưa hết đã đầy lên một cách tự nhiên, dự trữ rượu vang và rượu khai vị dồi dào không mất tiền mua, khổ thay, người ta không tiếp các bạn hữu duy nhất chỉ bằng cái ăn, cái uống. Chúng ta hãy gác lại vấn đề sự thường xuyên và quy mô các cuộc tiếp đón có thể chủ động thu xếp tùy theo hoàn cảnh. Trong mục này, có những gì để chi tiêu hết một tháng lương. Tự miễn cho mình chẳng, chính là tự liều mình để bị coi là kém phẩm giá và mất mọi uy tín, mọi sự tôn trọng. Thông thường, các thượng cấp đánh giá ông theo mức độ rộng rãi thoải mái của ông và các vị cũng biết rũ bỏ những hạ cấp bất cập không đem lại vinh dự cho ngành.

Bây giờ, chúng ta nói đến cái tổ chức cảnh sát riêng rất cần thiết cho mỗi vị quan muốn tiến lên, hoặc chí ít thì giữ được yên vị trí. Phải chi tiêu cho tụi này không ít nếu muốn có cơ may tóm được một Nguyễn Thái Học hoặc một Dương Hạc Dinh. Phải nuôi bao chúng hay là tạo điều kiện cho sống tại địa phương. Cách thứ hai này có phần nguy hiểm. Hãy dành cho việc này một tháng lương.

Và dù lương tháng đã tăng lên gấp ba, có phải chỉ còn có việc sống một cách lương thiện với đồng lương và hoàn thành một cách liêm khiết các nhiệm vụ và trách nhiệm ? Ô không phải đâu ! Cái lương xưa chỉ bằng một phần ba lương nay. Các chi tiêu được được điều chỉnh cũng theo cùng một tỷ lệ. Chính vì cái nghề quan lại đã được hiểu, đã được quy thành nguyên tắc là tiền lương chỉ là một lương thơm, một biểu thị lòng tốt oai nghiêm của đức vua. Đó là thơm thảo, ơn vua lộc nước. Đến

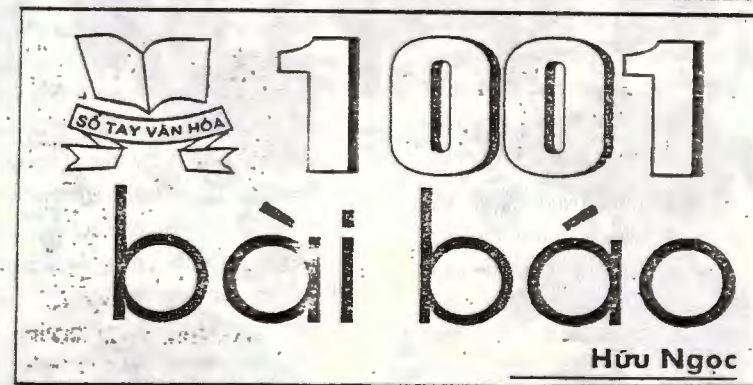
nôi, lương được tăng lên thì người ta cũng tăng một cách đơn giản bằng giá những thu nhập ngoài lề; lương chỉ làm chức năng đo lường một số chỉ tiêu bắt buộc một cách hiển nhiên.

Đó là nghề nghiệp. chính từ quan lại bao hàm cả một uy tín đặc biệt, gồm có quyền lạm thu và bóp nặn tiền, khổn khổ thay quyền này lại được nhân dân công nhận trong một chừng mực nào đó. Nhưng mà, cái chừng mực này đang ở đâu, để mà có thể kiểm soát không cho vượt qua.

Sau cùng, cả một việc giáo dục nhân dân đang cần phải làm. Dân quê của chúng ta cho tiền một cách thật ngu ngốc, ngay cả khi người ta không đòi hỏi. Họ quá quen thói chi tiền khi chờ đợi một công việc ở ai. Tệ nạn hối lộ hình như cắm chặt vào phong tục. Và ông quan mà từ chối triệt để mọi quà tặng thì có vẻ như là lập dị. Đó là một hành động gây ra sự nghi ngờ của những người dân bị trị lẫn các vị cấp trên. Học thuyết trung dung chẳng dạy người khôn hãy làm gần như mọi người đấy ư ? Có biết bao nhiêu người vung tiền ra để tranh giành những địa vị chẳng đáng gì, tinh thần thực dụng gần như khuyển ngài hãy thu nhận số tiền này, không nên để nó đi chỗ khác, tiền vào tay ngài sẽ được sử dụng tốt hơn vào tay kẻ khác.

Chính vì vậy, ngành quan lại phải không còn được tồn tại nữa với tư cách thiết chế, với tư cách tổ chức hỗn tạp, cùng một lúc viện cứ những phong tục quá khứ và thể chế hiện tại, dụng ý duy nhất là lợi dụng những cái có lợi cho mình, và nhân có sự hiểu lẫn lộn, bỏ qua những truyền thống tốt đẹp của quá khứ và những nguyên tắc rõ ràng, sáng sủa của chủ thể hiện tại.

Nguyễn Văn Vĩnh
L'Annam Nouveau
Số 118 ngày 17/3/1932



Một anh bạn thuộc loại "nghiện sách" vừa cho tôi mượn một cuốn sách nhỏ, độ tám chục trang, in ronêô, chắc là sách để lưu hành nội bộ trong gia đình bè bạn. Cuốn sách nhan đề: "1001 bài báo 'L'ANNAM NOUVEAU' của Nguyễn Văn Vĩnh (1931-1936 - Tập 12). Để tưởng nhớ ông và giới thiệu sự nghiệp của ông, con cái của ông đã và đang dịch dần cả nghìn bài báo tiếng Pháp (in song ngữ).

Cách tưởng niệm rất có ý nghĩa này là một cách xây lăng mộ tinh thần cho người đã khuất. Tôi biết nhiều dòng họ đã góp tiền để xuất bản những tác phẩm của các cụ tổ, nguyên bản chữ nho và bản dịch quốc ngữ. Tôi đặc biệt nhớ đến nhà dân tộc học Pháp nổi tiếng Condominas đã xuất bản một bản thảo của ông bố để lại: "Săn bắn và luận văn khác". Ở đầu sách, ông đã trân trọng cho in một chữ Hán to:

"Hiếu". Như vậy, bằng một cách rất Á. Đông, ông tỏ lòng biết ơn người bố và cả người mẹ lai Trung Quốc. Xin trở lại, Nguyễn Văn Vĩnh, một nhân vật bị lịch sử "nghi vấn" trong một thời gian dài. Có lúc ông đã bị đánh giá là "ninh Tây", dĩ chi "bán nước", do ông chủ trương "trực trị", nghĩa là đặt cả Việt Nam (chứ không riêng gì Nam Kỳ) dưới chế độ cai trị trực tiếp của nước Pháp. Muốn hiểu lý do của chủ trương này, nên đặt nó vào hoàn cảnh đất nước đầu thế kỷ 20, khi Nguyễn Văn Vĩnh bước vào đời, tuổi ngoài 20. Phong trào khởi nghĩa của các nhà nho Văn Thân tan rã. Chính quyền thực dân ổn định được tình hình, sử dụng triều đình Huế làm bình phong cai trị Bắc Kỳ và Trung Kỳ (bảo hộ). Giành lại độc lập bằng cách nào, bạo lực vũ trang hay bằng con đường hòa bình dân chủ đấu tranh hợp pháp.

Vị lãnh tụ của khuynh hướng thứ hai là Phan Châu Trinh (1872-1926), hơn Nguyễn Văn Vĩnh 10 tuổi. Ông Phó bảng họ Phan chủ trương cải cách chính trị dân chủ đặt trên cơ sở nâng cao dân trí. Đám tang của ông là một cuộc biểu tình yêu nước

bị Pháp đàn áp. Nguyễn Văn Vĩnh là người theo chính kiến của Phan Châu Trinh và ông công khai nói lên sự lựa chọn của mình. Năm 1933, nhân ngày giỗ lần thứ 7 cụ Phan, ông đã viết trong báo Nước An Nam mới (tiếng Pháp) của ông bài "Để tưởng nhớ Phan Châu Trinh" với những câu: "Chúng ta hãy nhớ lại cả một cuộc đời đầy thiếu thốn và đầy đau khổ của một người yêu nước xứng đáng được tôn trọng và được lấy làm gương mẫu này."

Khác với Phan Châu Trinh, Nguyễn Văn Vĩnh không được đào tạo chính quy theo Nho học mà là một người tự học Tây học, tuy có tốt nghiệp trường Thông ngôn Pháp. Ông sinh ở làng Phục Hưng, huyện Thường Tín (Hà Tây). Con nhà nghèo, 8 tuổi ông đã phải đi làm, vừa làm vừa học. Sau khi đi làm thư ký Tòa sứ tỉnh và Tòa đốc lý Hà Nội, ông được cử đi phục vụ đầu xỏ Marseille (Pháp). Có lẽ qua

đó, ông đã chịu ảnh hưởng sâu sắc tự do kinh doanh. Cho nên khi về nước, ông bỏ nghề làm công chức cho Pháp. Ông mở nhà in, làm báo và dịch thuật, xuất bản. Trong suốt 30 năm liền, từ 1906 đến 1936, bắt đầu từ hai bàn tay trắng, Nguyễn Văn Vĩnh đã trở thành chủ một nhà in lớn, chủ nhiệm chủ bút nhiều tờ báo và tạp chí tiếng Việt (Đông Dương tạp chí, Trung Bắc Tân Văn...) và tiếng Pháp (Notre Journal, L'Annam Nouveau), chủ nhiệm nhà xuất bản. Năm 1930, ông bị tịch thu nhà in và thu hồi giấy phép xuất bản sách báo quốc ngữ. Năm 1935, ông bị tịch thu hết tài sản, gia đình bị đuổi ra đường. Ông buộc phải bỏ báo L'Annam Nouveau, biệt xứ sang Lào, lấy danh nghĩa là đi tìm vàng để giả nợ Ngân hàng Đông Dương. Ngày 1-5-1936, ông từ trần, nằm một mình trên chiếc thuyền độc mộc bồng bênh trên dòng sông Séban-hiêng sau một cơn giông tố. Tay ông còn cầm cây bút máy đang viết dở thiên phóng sự về người tìm vàng.

Gia tài quý nhất của ông là bản dịch Kiều sang tiếng Pháp và rất nhiều tác phẩm văn học dịch sang tiếng Việt.



Đám tang ông Vĩnh 8-5-1936 ở Hà Nội

Người dịch :

BÙI TƯỜNG TRÁC

Lên trang và sửa bản in : NGUYỄN THUẬN MỸ

Trình bày :

NGUYỄN NGỌC ĐỊNH

1001 bài báo

Hữu Ngọc



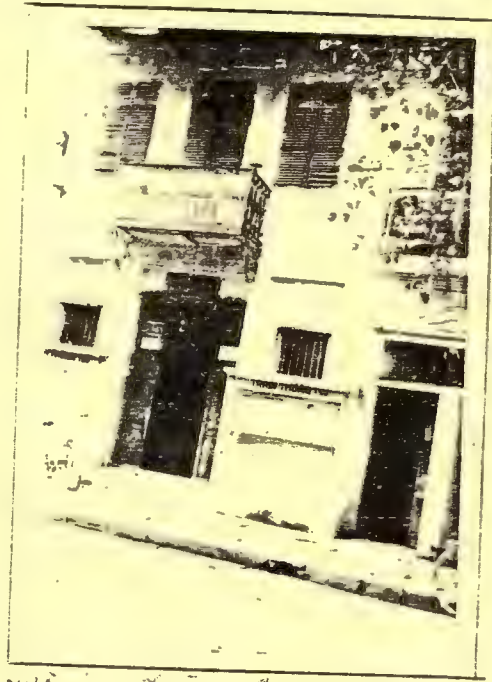
- ĐOÀN NHÀ BÁO MẶC ÁU PHỤC -



Đám tang Ông Vĩnh 8-5-1936 ở Hà Nội
- ĐOÀN TRẺ EM BÁN BÁO MŨ CỎ BẮNG TANG



NHÀ 46 PHỐ HÀNG GIẤY HÀ NỘI, NƠI SINH ÔNG NG. V. VINH



NHÀ 34 PHỐ HÀNG MẢ MÂY HÀ NỘI, NHÀ
Ở CỦA GIA ĐÌNH Ô. NG. V. VINH 1907-1921